

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-06-2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thuý Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Hồng Cẩm; bà Cao Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thuý Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Trâm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 2003. Địa chỉ: Tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt);

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D trình bày:

Bà và ông T tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên đã ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung Phạm Thành N, sinh ngày 22/02/2021 và Phạm Thị Mỹ D1, sinh ngày 07/7/2022. Bà D yêu cầu nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, yêu cầu ông T cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng/02 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà D rút yêu cầu đòi với ông T về cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu N và D1.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Văn T đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tại khóm S, thị trấn C, huyện T. Kết quả xác minh thể hiện: “Ông Phạm Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khóm S, thị trấn C, huyện T. Từ đầu năm 2025 đến nay ông T không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ, thỉnh thoảng có về nhà. Thời gian ông T, bà D chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn hay không thì không rõ”.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do bà D rút yêu cầu tại phiên tòa. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn T có địa chỉ tại khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét thấy, bà D và ông T không còn sống chung từ tháng 01/2025 đến nay, trong quá trình chung sống bà D và ông T phát sinh mâu thuẫn theo lời trình bày của bà D. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về các phiên hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham dự, cho thấy ông T không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Bà D khởi kiện ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về con chung: Phạm Thành N, sinh ngày 22/02/2021 và Phạm Thị Mỹ D1, sinh ngày 07/7/2022. Xét thấy, từ khi ly thân con chung do bà D nuôi dưỡng, bà D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn nên việc giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa bà D rút yêu cầu ông T cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu N và D1. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà D1.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thùy D đối với ông Phạm Văn T. Bà Lê Thị Thùy D được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Thành N, sinh ngày 22/02/2021 và Phạm Thị Mỹ D1, sinh ngày 07/7/2022 cho bà Lê Thị Thùy D nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy D về việc yêu cầu cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng/02 cháu N và D1 đối với ông Phạm Văn T.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0020093 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà D có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Tân Tuyến;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Thúy Liễu